

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2024/HS-ST**
Ngày 14/5/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Kiều Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn S** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1971, tại tỉnh Nghệ An;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; con ông Phan Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1940; bị cáo có vợ tên Phạm Thị L, sinh năm 1968 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – *Có mặt*.

2. Họ và tên: **Vũ Văn N** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 11 tháng 11 năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm

nông; trình độ học vấn: 11/12; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị V, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Ngô Thị N1, sinh năm 1990 và có 04 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/11/2013, tại Bản án số 320/2013/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – *Có mặt*.

3. Họ và tên: **Phạm Thị N2** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 07 tháng 4 năm 1971, tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1939 và con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1937; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1964 và có 04 con con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – *Có mặt*.

4. Họ và tên: **Phạm Thị H1** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1963, tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; con ông Phạm Đình V1 và con bà Phạm Thị T4 (đều đã chết); bị cáo có chồng là Lê Xuân B, sinh năm 1960 và có 03 con con lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1992

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay – *Có mặt*.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/02/2024, Phạm Thị N2, Vũ Văn N, Phạm Thị H1 đến nhà của Phan Văn S tại thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi. Tại đây, N2, H1, N và S cùng rủ nhau đánh bạc, dưới hình thức bài Phỏm, được thua bằng tiền và thoả thuận bị ăn lá bài đầu tiên thua 20.000 đồng, bị ăn lá bài thứ hai thua 40.000 đồng, bị ăn “Q chót hạ” thua 80.000 đồng, ai để bị ăn 03 lá bài trong 01 ván bài thì bị “Đền bài”, nghĩa là ngoài số tiền mình bị thua còn phải chung tiền “Ù” cho 03 người còn lại. Bài thua nhì (bài có điểm thấp thứ hai) thua 20.000 đồng, thua ba (bài có điểm thấp thứ ba) thua 40.000 đồng, thua chót (bài có điểm cao nhất) thua 60.000 đồng, thua cháy 80.000 đồng (bài không có phỏm), “Ù thường” thắng mỗi người còn lại là 100.000 đồng, bài “Ù tròn” thắng mỗi người còn lại là 200.000 đồng, “Tứ quý” thắng mỗi người còn lại là 120.000 đồng, không chơi hình thức bốc con cá, không quy định đấu chón mà tiền đánh bạc để hết trong người khi thắng thua thì lấy ra chung rồi cất lại trong người để tránh sự phát hiện của Cơ quan Công an thì cả nhóm đều đồng ý. Số tiền dùng hết để đánh bạc lần lượt của S là 3.800.000 đồng, N2 là 3.300.000 đồng, H1 là 1.300.000 đồng, N là 1.300.000 đồng. Sau đó, S lấy 01 tấm màu xanh trắng, kích thước (2,27x1,6)m trải trên nền nhà gần cửa ra vào phòng bếp làm chiếu bạc và 03 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá làm công cụ rồi các bị cáo ngồi trên tấm để đánh bạc liên tục nhiều ván. Đến 12 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc Phỏm thắng thua bằng tiền, cụ thể: Người chơi sử dụng 01 bộ bài tứ lơ khơ để chia thành 04 phần cho 04 tụ chơi, trong đó tụ của người chia bài được chia 10 quân bài, 03 tụ còn lại của người chơi được chia mỗi tụ 09 quân bài, số bài dư còn lại sau khi chia được bỏ ra giữa 04 người chơi để bốc. Người chia bài sẽ đánh trước tiên, mỗi lần đánh sẽ chỉ đánh đi 01 lá bài, nếu người ngồi liền kề (theo chiều đánh) “T5 bài”, nghĩa là lấy lá bài này để cùng với các lá bài trên tay mình tạo thành phỏm (một phỏm gồm 03 lá bài trở lên cùng loại hoặc cùng chất bài và liền kề nhau, ví dụ như: 03 quân 6 hoặc 04 quân 6 hoặc các quân bài 10, J, Q cùng một chất Cơ, R, C, B1). Sau khi “T5 bài” thì người này không được bốc bài trên sòng mà phải đánh đi 01 lá bài khác đang cầm trên tay. Nếu không “T5 bài” thì người này sẽ bốc 01 lá bài trên cùng trong số những lá bài còn lại úp giữa chiếu bạc và đánh 01 lá bài đi, làm sao trên tay của mỗi người chơi luôn có 09 lá bài. Cứ tiếp tục đánh như vậy cho đến khi ván bài kết thúc, tức là khi ai có bài “Ù” thì hạ bài, nếu không có bài “Ù” thì khi tại tụ của mỗi người chơi có 04 lá

bài đánh xuống (không tính các quân bài bị người khác thắng) thì hạ phỏm rồi tính điểm để phân định kết quả thắng thua của ván bài đó. Bài “Ù thường” là bài có 09 quân bài tạo thành P; bài “Ù tròn” tức là bài có 10 quân bài tạo thành Phỏm. Điểm bài được tính là tổng số điểm của những lá bài không tạo thành Phỏm, theo đó lần lượt từ quân bài A đến quân bài K (A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K) được tính lần lượt từ 01 đến 13 điểm/ lá bài. Bài thấp (ít) điểm nhất thì về nhất và thắng hết 03 tụ còn lại, thua nhì (bài có điểm thấp thứ hai), thua ba (bài có điểm thấp thứ ba), thua chót (bài có điểm cao nhất). Bài không có P gọi là “Bài cháy”.

Tại Kết luận số 72KL-HĐĐGTS, ngày 30/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Phần diện tích trong phòng bếp trên có giá trị 7.211.000đồng.

Cáo trạng số: 120/CT-VKS-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Phan Văn S, Phạm Thị H1, Vũ Văn N, Phạm Thị N2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát đã truy tố đồng thời xác định, toàn bộ số tiền các bị cáo mang theo đều dùng vào mục đích đánh bạc.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Phan Văn S, Vũ Văn N, Phạm Thị H1 và Phạm Thị N2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65: Xử phạt bị cáo Phan Văn S mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo tại không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 mức án từ 20 tháng đến 26 tháng cải tạo tại không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N2 số tiền từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền 9.700.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 03 bộ bài T6 lơ kho 52 lá và 01 tấm thảm màu xanh trắng, là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Truy thu 1/2 giá trị phần diện tích thuộc phòng bếp trong ngôi nhà của bị cáo Phan Văn S dùng làm nơi thực hiện tội phạm, tương ứng số tiền là 3.605.500 đồng

Các bị cáo không tranh luận gì thêm và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra người này đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận do ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/02/2024, tại thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Phan Văn Sơn, Phạm Thị H1, Vũ Văn N và Phạm Thị N2 đã có hành vi đánh bạc, hình thức chơi bài phỏm được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc một lần là 9.700.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Như vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội tại địa phương đồng thời gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây

ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Phan Văn S, Phạm Thị H1, Phạm Thị N2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Phạm Thị H1 có bố đẻ được Nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Đ tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, bị cáo Phan Văn S có bố đẻ của được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; bị cáo Vũ Văn N là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, đây các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng riêng cho từng bị cáo.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Xét giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà cần xem xét đến vai trò, mức độ, nhân thân của các bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp như:

Bị cáo Phan Văn S chuẩn bị công cụ và sử dụng nhà là tài sản chung của vợ chồng bị cáo làm nơi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng sử dụng số tiền nhiều nhất 3.800.000đồng để tham gia đánh bạc nên cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Vũ Văn N có nhân thân xấu nên cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo cao hơn bị cáo Phạm Thị H1 và bị cáo Phạm Thị N2 nhưng thấp hơn bị cáo S là phù hợp.

Xét bị cáo Phan Văn S có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt và có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để áp dụng hình phạt cho bị cáo; Các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Thị H1, Phạm Thị N2 ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, bị cáo H1 bị bệnh hiểm nghèo, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tại ngoài xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích và không gây nguy hiểm cho xã hội; không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội là 9.700.000 đồng (trong đó gồm: Số tiền 4.200.000 đồng của Phan Văn S; 1.000.000

đồng của Phạm Thị H1; 3.300.000 đồng của Phạm Thị N2 và 1.200.000 đồng của Vũ Văn N).

- Tịch thu tiêu hủy với 03 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và 01 tấm thảm màu xanh trắng, kích thước (2,27x1,6)m của bị cáo Phan Văn S, các bị cáo đã sử dụng là công cụ phạm tội.

- Đối với địa điểm phòng bếp của căn nhà tại địa chỉ thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo sử dụng để đánh bạc là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phan Văn S và vợ là Phạm Thị L. Việc bị cáo S sử dụng phòng bếp để đánh bạc bà L không biết nên cần truy thu của bị cáo Phan Văn S 1/2 giá trị theo kết quả định giá số tiền là 3.605.500 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77S màu đen của bị cáo Phan Văn S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen của bị cáo Vũ Văn N. Quá trình điều tra xác định các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại những chiếc điện thoại có đặc điểm trên cho các bị cáo S và N đều là các chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác:

Bà Phạm Thị L là vợ của bị cáo S, không biết việc các bị cáo sử dụng căn phòng bếp của gia đình bà làm địa điểm đánh bạc; Ông Nguyễn Văn B2 là người bán 03 bộ bài tú lơ khơ 52 lá cho bị cáo S, nhưng không biết bị cáo S mua bộ bài về làm gì nên Cơ quan điều tra đều không đề cập xử lý đối với ông B2 và bà L là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn S, Vũ Văn N, Phạm Thị N2, Phạm Thị H1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLH: Xử phạt bị cáo Phan Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 24 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 bằng 12 ngày cải tạo không

giám giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 18 ngày tạm giam tại không giam giữ.

2.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 20 tháng tạm giam tại không giam giữ; khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 bằng 12 ngày tạm giam tại không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 19 tháng 18 ngày tạm giam tại không giam giữ.

2.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Thị N2 số tiền 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), sung vào công quỹ Nhà nước.

- Giao bị cáo Phan Văn S cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Phan Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 9.700.000 đồng (*chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*) đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đ.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và 01 tấm thảm màu xanh trắng, kích thước (2,27x1,6)m đều đã qua sử dụng.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước: Của bị cáo Phan Văn S số tiền 3.605.500đồng (*Ba triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, năm trăm đồng*).

(*Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 25/4/2024*).

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Vũ Văn N, Phan Văn S, Phạm Thị N2, Phạm Thị H1 phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Ủy ban nhân dân xã Ea Kao
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH